

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4093 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8696/TTr-STC ngày 23 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (văn bản điện tử đính kèm).

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Các đối tượng nêu tại khoản 1; điểm a (cấp huyện, xã) khoản 2, điểm b khoản 2, điểm đ khoản 2, điểm e khoản 2; điểm a khoản 3; điểm c khoản 4; điểm a khoản 5 (các trường Dân tộc nội trú thuộc cấp huyện quản lý), điểm đ khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Do ngân sách cấp huyện cân đối cấp kinh phí.

2. Các đối tượng còn lại: Do ngân sách cấp tỉnh cân đối cấp kinh phí.

3. Đối với người lao động ngoài biên chế theo quy định thì các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng kinh phí khoán, tự chủ của đơn vị để thực hiện hỗ trợ Tết tùy theo tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Giao tổ chức cấp phát như sau:

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm c khoản 2, điểm d khoản 2, khoản 6 (bệnh nhân của các bệnh viện Trung ương), điểm b khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 3 Nghị quyết.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chi trả cho các đối tượng tại các điểm: g, h (bộ phận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý), i, k, l, m, n, o, p của khoản 2; điểm b khoản 3; điểm a và điểm b khoản 4; điểm c khoản 5; điểm a khoản 7 Điều 3 Nghị quyết.

Riêng đối tượng quy định tại điểm r khoản 2 Điều 3: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai lập thủ tục cấp phát, chi trả kịp thời cho các đối tượng. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố cung cấp danh sách đối tượng được hỗ trợ, họ tên, số điện thoại (nếu có), địa chỉ chính xác gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố để chống trùng đối tượng và làm căn cứ chi trả. Trừ các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi).

3. Sở Y tế chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại Khoản 6 Điều 2 (bệnh nhân của các bệnh viện địa phương quản lý).

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm a khoản 5 (Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh), điểm d khoản 5 Điều 3.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm a khoản 5 (học sinh là người dân tộc thiểu số đang học trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật) và điểm b khoản 5 Điều 3.

6. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm h khoản 2 Điều 3 (thương binh do đơn vị quản lý); riêng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chi trả thêm các đối tượng tại điểm q khoản 2 Điều 3.

7. Trường Đại học Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 5 Điều 3 (Học sinh khiếm thính của trường Thực hành sư phạm và học sinh dân tộc có hộ khẩu Đồng Nai đang theo học ở Trường Đại học Đồng Nai).

8. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 5 Điều 3 (Học sinh là người dân tộc thiểu số đang học tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai).

9. Ban Dân tộc chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 5 Điều 3 (là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lại ngoài các trường đã có đơn vị chủ quản chi trả nêu trên).

10. Sở Nội vụ chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm r khoản 2 Điều 3 (Nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi)).

11. Các đơn vị dự toán khối tỉnh, khối Đảng chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 và các năm tiếp theo để chi trả kịp thời cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 và các năm tiếp theo để chi trả kịp thời cho các đối tượng nêu tại Khoản 1 (cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945); điểm a khoản 2 (huyện, xã); điểm b khoản 2; điểm đ khoản 2; điểm e khoản 2; điểm a khoản 3; điểm c khoản 4; điểm a khoản 5 (các trường Dân tộc nội trú thuộc cấp huyện quản lý); điểm đ khoản 5 Điều 3 Nghị quyết.

Điều 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện việc rà soát, lập danh sách được hỗ trợ, không trùng lặp đối tượng và các mức kinh phí. Trong trường

hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Các đối tượng là bệnh nhân, phạm nhân, trại viên được hỗ trợ Tết tính theo danh sách quản lý của đơn vị trong 05 ngày theo Điều 112 Bộ Luật lao động và quyết định hàng năm của cấp có thẩm quyền.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng trước dịp nghỉ Tết nguyên đán.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định này hướng dẫn thủ tục hồ sơ, thời gian thực hiện chi trả, các nội dung khác liên quan và theo dõi việc thực hiện hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh theo quy định; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các hội, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo ĐN, Báo LĐĐN;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QTTV, THNC, KTNS.



Võ Tấn Đức

Số: 35/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán
năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 23**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 858/BC-BKTNS ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình, cá nhân là đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng thuộc diện chính sách, bảo trợ xã hội, hưu trí, bệnh nhân, phạm nhân, công nhân có hoàn cảnh khó khăn.

2. Công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan ngành dọc và một số đơn vị quân đội trên địa bàn, có quan hệ phối hợp với tỉnh Đồng Nai.

3. Các tổ chức, cá nhân, gia đình, đơn vị có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng

1. Mức 10.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

2. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong biên chế (đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành); giáo viên dạy học sinh khiếm thính của Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm;

b) Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp (khu phố) và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp (khu phố) theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai;

c) Cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án, Liên đoàn Lao động, Thống kê, Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm xã hội; Chi cục dự trữ nhà nước Đồng Nai; Cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04;

d) Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm

nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama II, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên;

đ) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

e) Lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn;

g) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến (riêng Bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng thêm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);

h) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền quản lý; thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

l) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

m) Người được hưởng chế độ tiền tuất người có công (tù trần);

n) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

o) Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng;

p) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và một số đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất

ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến);

q) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1;

r) Người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi) được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng.

3. Mức 1.200.000 đồng/hộ hoặc 1.200.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương hoặc chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương trong trường hợp địa phương chưa ban hành chuẩn nghèo riêng;

b) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

4. Mức 1.000.000 đồng/người cho các đối tượng sau:

a) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế (hưởng trợ cấp 1 lần);

b) Người có công giúp đỡ cách mạng (hưởng trợ cấp 1 lần);

c) Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương hoặc chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương trong trường hợp địa phương chưa ban hành chuẩn nghèo riêng.

5. Mức 720.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú của tỉnh, cấp huyện; học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại tỉnh Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp, các trung tâm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; học sinh khiếm thính của Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm;

b) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

c) Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh, cấp huyện (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận), người lang thang, cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm công tác xã hội;

d) Các đối tượng tại Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

đ) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

6. Mức 500.000 đồng/người hỗ trợ cho Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế.

7. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

b) Phạm nhân đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

8. Mức 30.000.000.000 đồng để hỗ trợ cho khoảng 30.000 người lao động, đoàn viên của Liên đoàn Lao động có hoàn cảnh khó khăn (1.000.000 đồng/người) thông qua Liên đoàn Lao động tỉnh, bao gồm:

a) Đoàn viên, người lao động mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của cấp có thẩm quyền về danh mục bệnh hiểm nghèo;

b) Đoàn viên, người lao động bị tai nạn lao động;

c) Đoàn viên, người lao động bị giảm số ngày làm việc trong tuần do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng (thời gian bị giảm giờ làm việc tính từ ngày 01 tháng 7 hàng năm);

d) Đoàn viên, người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 30 ngày liên tục trở lên do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng (thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương tính từ ngày 01 tháng 7 hàng năm);

đ) Đoàn viên, người lao động bị mất việc làm do doanh nghiệp khó khăn phải thu hẹp sản xuất, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, chủ doanh nghiệp bỏ trốn tại thời điểm chăm lo Tết Nguyên đán;

e) Đoàn viên, người lao động là lao động chính trong gia đình, có vợ/chồng/con mắc bệnh hiểm nghèo đang phải điều trị.

9. Hỗ trợ cho một số đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh và một số đơn vị quân đội cấp Trung ương có quan hệ phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai theo danh sách hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt như sau:

a) Mức 202.000.000 đồng (tiền mặt 200.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp quân khu;

b) Mức 52.000.000 đồng (tiền mặt 50.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp quân đoàn, sư đoàn;

c) Mức 32.000.000 đồng (tiền mặt 30.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp lữ đoàn;

d) Mức 22.000.000 đồng (tiền mặt 20.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp trung đoàn;

đ) Mức 10.000.000 đồng cho đơn vị cấp tiểu đoàn;

e) Mức 5.000.000 đồng cho đơn vị cấp đại đội.

10. Căn cứ khả năng tài chính, các cơ quan hành chính nhà nước xem xét sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ tiết kiệm được và các nguồn hợp pháp khác (nếu có), các đơn vị sự nghiệp công lập xem xét sử dụng nguồn Quỹ phúc lợi và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) để chi hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán cho người lao động của cơ quan ngoài các đối tượng quy định tại Nghị quyết này. Đối tượng và mức chi hỗ trợ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng được hỗ trợ nêu trên. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2024. *phương*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ pháp chế các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy và HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo